

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2024/DS-ST
Ngày 04 – 12 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội
và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Chí Tâm.

2. Ông Đàm Thanh Vũ.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Khánh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng góp hội và hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê T, sinh năm 1963; địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Bà Huỳnh E và ông Trà H; cùng địa chỉ: Ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê T trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 2019 âm lịch, bà Lê T làm chủ hội, đứng ra kêu hội thì có nhiều người tham gia, trong đó có bà Huỳnh E. Bà E tham gia ở các dây hội cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hội mùa 5.000.000 đồng, khai hội ngày 19-6-2019 âm lịch, mỗi năm khai 02 lần theo vụ lúa vào tháng 6 và tháng 02, có 12 phần, bà E tham gia 01 phần. Ở dây hội này, bà E đóng hội sống đến lần thứ hai và hốt ở lần khai

thứ ba, với số tiền hót hụi là 30.900.000 đồng. Bà T đã giao đủ tiền hụi cho bà E nhưng sau đó bà E chỉ đóng hụi chết đến lần thứ năm và lần thứ sáu trở đi thì bà E không chịu đóng hụi chết. Hụi mần ngày 19/02/2025 âm lịch, tính đến hụi mần thì dây hụi này bà E còn nợ bà T 06 lần hụi chết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DSST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân (TAND) thị xã Ngã Năm đã có hiệu lực pháp luật thì Tòa án đã buộc bà E và ông H trả cho bà số tiền hụi chết 02 lần. Như vậy còn lại 04 lần hụi chết bà E chưa đóng hụi cho bà T, nhưng còn 01 lần hụi chết chưa đến hạn khai là ngày 19/02/2025. Theo đơn kiện thì bà T yêu cầu bà E và ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà T số tiền 04 lần hụi chết, 01 lần 5.000.000 đồng là 20.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà T rút lại một phần đơn kiện, cụ thể rút lại 01 lần hụi chết chưa đến ngày khai (khai ngày 19/02/2025 âm lịch). Bà T chỉ yêu cầu bà E và ông H trả cho bà T 03 lần hụi chết đã khai rồi, với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

- Dây thứ hai: Hụi mùa 5.000.000 đồng, khai hụi ngày 19-6-2020 âm lịch, mỗi năm khai 02 lần theo vụ lúa vào tháng 6 và tháng 02, có 12 phần, bà E tham gia 01 phần. Ở dây hụi này, bà E đóng hụi sống đến lần thứ ba và hót ở lần khai thứ tư, với số tiền hót hụi là 31.700.000 đồng. Bà T đã giao đủ tiền hụi cho bà E nhưng sau đó bà E không đóng hụi chết. Hụi mần ngày 19/02/2026 âm lịch, tính đến hụi mần thì dây hụi này bà E còn nợ bà T 08 lần hụi chết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DSST ngày 30/8/2023 của TAND thị xã Ngã Năm đã có hiệu lực pháp luật thì Tòa án đã buộc bà E và ông H trả cho bà số tiền hụi chết 02 lần. Như vậy còn lại 06 lần hụi chết bà E chưa đóng hụi cho bà T, nhưng còn 03 lần hụi chết chưa đến hạn khai hụi. Theo đơn kiện thì bà T yêu cầu bà E và ông H cùng có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà T số tiền 06 lần hụi chết, 01 lần 5.000.000 đồng là 30.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà T rút lại một phần đơn kiện, cụ thể rút lại 03 lần hụi chết chưa đến ngày khai (khai ngày 19/02/2025 âm lịch; ngày 19/6/2025 âm lịch; ngày 19/02/2026 âm lịch). Bà T chỉ yêu cầu bà E và ông H trả cho bà T 03 lần hụi chết đã khai rồi, với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngoài ra, khoảng thời gian bà E tham gia hụi của bà T có mượn tiền của bà T, nhưng bà T không nhớ mượn thời gian nào, còn nợ lại bà T số tiền vốn là 1.200.000 đồng, hai bên chỉ cho mượn không có làm giấy tờ gì hết. Tại phiên tòa bà T xin rút lại toàn bộ yêu cầu trả tiền mượn 1.200.000 đồng đối với bà E.

Ý kiến của bị đơn Huỳnh E được ghi nhận tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DSST ngày 30/8/2023 của TAND thị xã Ngã Năm đã có hiệu lực pháp luật như sau:

Bà Huỳnh E thống nhất theo nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của bà Lê T và thống nhất việc bà E còn nợ bà T số tiền hụi chết ở 02 dây hụi mùa theo như bà T trình bày là mỗi dây 10.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng là sự thật. Đối với việc bà tham gia hụi thì chồng của bà là ông Trà H có biết và thống nhất, số tiền hót hụi bà dùng để phục vụ sinh hoạt trong gia đình.....

Ý kiến của bị đơn ông Trà H:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trà H. Tuy nhiên, ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T đã rút lại tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại tiền nợ hui và tiền cho mượn đối với bị đơn đang cư trú tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn bà Huỳnh E, ông Trà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà E và ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với các phần hui chưa đến ngày khai hui của hai dây hui bà E đã tham gia với số tiền rút lại là 20.000.000 đồng và rút lại số tiền bà E hỏi mượn 1.200.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà E và ông H cùng có trách nhiệm trả cho bà T số tiền hui chết tính đến ngày xét xử sơ thẩm của dây hui khai ngày 19/6/2019 âm lịch là 03 lần, số tiền 15.000.000 đồng và dây hui khai ngày 19/6/2020 âm lịch là 03 lần, số tiền 15.000.000 đồng. Nhận thấy, tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DSST ngày 30/8/2023 của TAND thị xã Ngã Năm đã có hiệu lực pháp luật xác định bà E có tham gia hai dây hui khai ngày 19/6/2019 âm lịch và khai ngày 19/6/2020 âm lịch, tính đến ngày 18/4/2023 bà E còn nợ bà T số tiền hui của hai dây hui này là 20.000.000 đồng. Như vậy, đây là những tình tiết sự kiện được xác định trong bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không cần phải chứng minh. Sau khi TAND thị xã Ngã Năm xét xử ngày 30/8/2023 đến thời điểm khởi kiện hiện nay bà T cho rằng bà E vẫn không đóng trả các lần hui chết đã đến hạn khai, còn nợ dây hui khai ngày 19/6/2019 âm lịch là 03 lần, số tiền 15.000.000 đồng và dây hui khai ngày 19/6/2020 âm lịch là 03 lần, số tiền 15.000.000 đồng là đúng với thời hạn mở hui.

[5] Về nghĩa vụ trả nợ của ông H: Tại mục [5] của bản án dân sự sơ thẩm số 103/2023/DSST ngày 30/8/2023 của TAND thị xã Ngã Năm đã có hiệu lực pháp luật xác định bà Huỳnh T và ông Trà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền hui chết nêu trên cho bà Lê T theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường. Tại vụ án này, bà T tiếp tục khởi kiện bà E và ông H về hai dây hui đã được giải quyết tại bản án này đối với các phần hui chết tiếp tục được mở hui từ sau ngày 18/4/2023 đến ngày xét xử hôm nay là có cơ sở.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa sơ thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Huỳnh E và ông Trà H có trách nhiệm liên đới trả số tiền hui 30.000.000 đồng cho bà Lê T là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí và bà T thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét về tiền tạm ứng án phí. Các bị đơn bà Huỳnh T và ông Trà H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 4 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê T đối với yêu cầu bà Huỳnh E và ông Trà H trả số tiền hui các phần hui chưa khai của dây hui mở ngày 19/6/2019 âm lịch (lần hui khai ngày 19/02/2025 âm lịch) số tiền 5.000.000 đồng và 03 phần hui chưa khai của dây hui mở ngày 19/6/2020 âm lịch (khai ngày 19/02/2025 âm lịch; ngày 19/6/2025 âm lịch; ngày 19/02/2026 âm lịch) số tiền 15.000.000 đồng và số tiền mượn 1.200.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê T.

Buộc bị đơn bà Huỳnh T và ông Trà H có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền hui 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho nguyên đơn Lê T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh E, ông Trà H liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng